

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.26	253.905.425.979	104.442.008.069	626.592.007.046	487.889.701.585
2. Các khoản giảm trừ	02	VII.27	14.727.924.338	3.094.364.869	45.192.433.606	6.549.333.598
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.28	239.177.501.641	101.347.643.200	581.399.573.440	481.340.367.987
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.29	121.821.252.150	40.868.276.973	346.336.461.107	216.641.237.443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.356.249.491	60.479.366.227	235.063.112.333	264.699.130.544
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.30	9.007.193.812	32.276.913.960	90.395.840.716	89.638.114.374
7. Chi phí tài chính	22	VII.31	6.929.868.093	(4.087.814.103)	15.345.581.167	(8.517.784.026)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.647.767.780	766.749.746	11.162.822.336	766.749.746
8. Chi phí bán hàng	24		4.428.915.753	243.561.295	11.729.477.352	550.411.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.153.189.408	17.818.318.305	73.822.436.144	54.938.796.962
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		93.851.470.049	78.782.214.690	224.561.458.386	307.365.820.799
11. Thu nhập khác			3.474.310.142	4.920.561.304	111.833.874.339	47.113.367.394
12. Chi phí khác	32	VII.33	2.205.643.203	3.172.975.594	6.874.410.191	4.069.537.163
13. Lợi nhuận khác	40		1.268.664.937	1.747.585.710	104.959.464.148	43.043.830.231
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	45	VII.34		6.661.927.816	(1.297.349.093)	6.661.927.816
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.120.134.986	87.191.728.216	328.223.573.441	357.071.578.846
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.35	23.702.184.609	16.324.718.300	79.386.854.016	63.222.459.677
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.36		(5.163.255.900)	-	(5.163.255.900)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.417.930.377	76.030.265.816	248.836.719.425	299.012.375.069
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		113.857.746	1.271.746.657	320.420.523	4.630.299.154
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (*)	62		71.304.092.631	74.758.519.159	248.516.298.902	294.382.075.915
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	70	VII.37	1.881	2.733	6.294	6.308

(*) Lợi nhuận lũy kế lũy này bao gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác kinh doanh 2010 là 10.147.924.963 đồng.

(*) Lợi nhuận lũy kế kỷ trước bao gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác kinh doanh là 64.428.769.202 đồng.

Người lập biểu

Rank

Lê Ngọc Châu

Kế toán trưởng

Willa

Quan Minh Tuấn

Ngày 19 tháng 02 năm 2010

THỦ ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỐC

QUAN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

CHỖ CHỮ CHỮ